



Thư của Tổng Viện Phụ
Nhân dịp Giáng Sinh 2013

“Ngài đã bẻ gãy xiềng xích cho con!”

Anh chị em đan sĩ Xi-tô rất thân mến,

Những chuyện vui hay buồn năm vừa qua xảy ra trong dòng chúng ta, trong các hội dòng, hay từng cộng đoàn đã làm tôi lưu tâm và nhận thức rõ hơn về vấn đề tự do khi chúng ta sống ơn gọi của mình.

Cũng vậy, chúng ta cảm nhận được những lời nhắc nhở của Đức Thánh Cha Phanxicô hãy tìm lại lòng nhiệt thành rao giảng Tin Mừng, canh tân, và nhất là cầu xin Chúa Thánh Thần cho chúng ta sẵn lòng mở rộng trái tim và cuộc sống để bước theo Chúa trong niềm vui, hướng về những miền “ngoại biên”, những nơi mà Đức Giê-su chưa được biết đến, cũng như chưa được yêu mến. Tông huấn gần đây *Evangelii gaudium* phải là một khí cụ và một trợ lực cho sự hoán cải của toàn dòng chúng ta để chúng ta hiểu làm thế nào để đi đến tận cùng chiều sâu và chiều rộng của đặc sủng với lòng tri ân và niềm vui lớn nhất. Nhưng để đạt được điều này, điều kiện là phải tự do thuận theo chương trình của Thiên Chúa, và tôi muốn suy niệm cùng anh chị em về đề tài này.

Xiềng sắt và xích của Đức Ki-tô

Đức Giê-su Ki-tô đến để giải phóng chúng ta, cho chúng ta tự do thực sự: “Nếu người Con có giải phóng các ông, thì các ông mới thực sự là những người tự do” (Ga 8,36). Vậy thế nào là tự do thực sự, tự do trong chân lý?

Nói về điều này, tôi thường trích dẫn một câu chuyện do thánh Grê-gô-ri-ô kể lại trong sách Đối Thoại quyển thứ Ba. Một ẩn sĩ sống trên núi Marsico, tên là Martino, “ngay từ khi đặt chân đến ngọn núi này (...), vị ẩn sĩ đã cột chân mình vào một tảng đá bằng một dây xích sắt, để không thể nào đi xa quá độ dài của dây xích. Biết tin này, thánh Biển đức đáng kính (...) đã sai một đệ tử đến nói với vị ẩn sĩ rằng: ‘Nếu ngài là tôi tớ của Thiên Chúa, thì đừng cột mình bằng xích sắt nhưng bằng xích của Đức Ki-tô’. Nghe những lời này, Martino lập tức tháo dây xích sắt ra, và dù chân đã

được tháo xích, nhưng ngài cũng không bao giờ lìa xa khỏi nơi mà ngài đã từng trói mình bằng những sợi dây sắt” (*Đối thoại* III,16).

Thánh Biển Đức đã không nói vị ẩn sĩ Martino tháo cởi hết mọi mối ràng buộc, không đề nghị cho vị ẩn sĩ sự tự do quy kết về chính bản thân; trái lại, thánh nhân kêu gọi vị ẩn sĩ hãy ràng buộc mình với Đức Ki-tô một cách nội tâm. “Xích của Đức Ki-tô” là mối dây ràng buộc chắc chắn hơn cả xích sắt, nhưng lại là mối dây giải phóng chúng ta. Giải phóng thế nào? Thưa nó kích hoạt sự tự do của chúng ta. Để được ràng buộc với Đức Ki-tô, nghĩa là để được thuộc về Người, được trở nên “tôi tớ của Thiên Chúa”, con người không thể trói buộc sự tự do của mình với xích sắt là thứ chỉ siết chặt chân đi của bạn, và cũng không thể trói buộc sự tự do với các quy tắc và những loại luật sắt vốn là những thứ chỉ ràng buộc bạn bằng vũ lực và sự sợ hãi. Muốn được ràng buộc với Đức Ki-tô, con người phải kích hoạt sự tự do của mình để thuận theo tình yêu của Người, sao cho được hòa hợp với tình bạn của Người. Trái ngược với náo trạng thống trị, tự do của con người sẽ sống động và chín mùi khi con người biết chọn lựa để được thuộc về một ai đó, và sự lựa chọn này phải được thực hiện cách kiên quyết bởi tự do, chứ không bởi sự ép buộc trong mọi giây phút, mọi gặp gỡ, mọi cơ hội, mọi hoàn cảnh. Trái ngược với dây xích sắt, tự do thì vô hình, nhưng lại thể hiện mình trong các mối tương quan giao kết và đón nhận, trong những mối tương quan lựa chọn và trung thành. Trong mọi lãnh vực cuộc sống, trung thành là một sự-thuộc-về được canh tân liên lỉ bởi sự tự do của chúng ta.

Tại sao luôn chọn lựa mối dây trung thành lại là điều rất khó khăn trong đời sống của các đan viện, trong các cộng đoàn, trong các gia đình, trong toàn xã hội? Có lẽ tại vì người ta nghĩ rằng tự do có thể tự sinh mà có, hoặc sinh ra từ hư vô. “Những dây xích sắt”, có thể là những sợi xích ảo tưởng, tình cảm hay luân lý, là những mối dây ràng buộc làm cho tự do trở nên cô độc, thiếu mất sự tương quan. Trái lại tự do con người được hình thành để sinh trưởng, phát triển và thể hiện bên trong tương quan cá vị với Thiên Chúa và với người khác. Con người không thể tương giao với sắt thép. Vị ẩn sĩ Martino đã cô độc, chỉ có mình với sợi dây xích sắt. Trái lại, “xích của Đức Ki-tô” chính là mối tương quan với Người, là tương giao, là tình bạn, và bên trong mối tương quan ấy, phát sinh khoảng không gian cho tự do sinh sống, triển nở và tạo kết những hoa trái của trung thành và yêu thương.

Con người ngày nay, đặc biệt ở Tây Phương, rất cô đơn, nghèo tương quan, và vì thế mà thiếu đi bầu khí tự do để hít thở hay nói đúng hơn, thiếu đi nguồn nước để cho tự do có thể bơi lội và lan tỏa. Và tôi nhận thấy trong rất nhiều cộng đoàn, cộng đoàn chỉ là một nhóm những người cô đơn hội họp lại với nhau hơn là những trái tim tự do liên kết trong đối thoại và hiệp thông.

Những người con của nữ tì Thiên Chúa

Đối với tôi, một câu trong thánh vịnh 115 là một trong những định nghĩa thần học hay nhất về tự do: “Vâng lạy Chúa, thân này là tôi tớ, tôi tớ Ngài, con của nữ tì Ngài, xiềng xích trói buộc con, Ngài đã tháo cởi!” (115,16).

Tự do là tự do của những người con cái Chúa, một sự tự do được giải phóng, một sự tự do được trao ban, một sự tự do Vượt Qua. Chúng ta chỉ trở nên tự do thực sự khi Thiên Chúa cho chúng ta được thuộc về Người và giáo dục chúng ta đi vào mối tương quan với Người và trong Người. Vì thế, Người cho chúng ta được sinh ra và được giáo dục bởi chính “nữ tì” của Người là Đức Maria, là Giáo Hội, là cộng đoàn Ki-tô hữu nơi chúng ta được sinh ra qua bí tích Thánh Tẩy, và luôn đồng hành với chúng ta để huấn luyện chúng ta đạt đến sự tự do của con cái Thiên Chúa, tự do vui mừng phụng sự Chúa và kế hoạch cứu độ của Người.

Cộng đoàn nơi Thiên Chúa mời gọi chúng ta phụng sự Người theo ơn gọi của mỗi người là “trường học phụng sự Chúa” mà thánh Biển Đức đã diễn tả trong tu luật (TL. Lời mở đầu 45). Trong trường học ấy, tự do được mời để hít thở và tăng triển “với trái tim rộng mở”, để “chạy trên đường giới răn Chúa trong sự ngọt ngào khôn tả của tình yêu” (Lời mở đầu 49). Thánh Biển Đức mời gọi chúng ta hãy kinh nghiệm xem vâng phục giải phóng sự tự do của chúng ta và làm cho tự do được triển nở trong tình yêu thông hiệp với Thiên Chúa và với anh em như thế nào.

Mùa Vọng và Giáng sinh cũng như tất cả các mùa của đời sống Giáo hội phải giúp chúng ta học từ nơi Đức Maria sự tự do đích thực trong Đức Ki-tô. Đức Maria dạy chúng ta rằng tự do đích thực khi nó quy thuận và vâng phục kế hoạch của Thiên Chúa. Kế hoạch Thiên Chúa có nghĩa là gì? Nghĩa là từ muôn thuở, Người đã canh tân, và đổi mới mọi sự (x. Kh 21,5). Thiên Chúa không thể làm gì hơn việc làm những cái mới, luôn luôn mới và không thể làm gì hơn việc canh tân những gì đã hiện hữu. Mỗi khoảnh khắc của sự sống và hiện hữu được trao ban cho chúng ta đều là một sự mới mẻ. Và Thiên Chúa luôn đi bước trước trong việc mong muốn cho chúng ta và vũ trụ đạt đến tính sung mãn của sự hoàn thành vô biên. Nếu chúng ta nhận thức được điều này, nghĩa là nếu chúng ta có cái nhìn đức tin về bản thân và về mọi sự, chúng ta sẽ sống trong niềm hy vọng vui tươi, niềm hy vọng tuyệt đối không gì có thể làm nao núng, bởi vì chúng nhận ra rằng tất cả sẽ được hoàn tất trong yêu thương, trong sự sung mãn vĩnh cửu của tình yêu Thiên Chúa.

Như thế, trong niềm hy vọng của đức tin, Đức Maria đã sống không chút mờ tối sự tự do thuận theo kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa. Phải chăng giờ phút Truyền Tin là lúc Đức Trinh nữ dâng “lời khẩn” đầu tiên? Lời khẩn vâng phục. Trước hết, Đức Maria đã không nghĩ đến sự trinh khiết và thanh bần. Mẹ hiểu rằng điều mà Thiên Chúa đề nghị với mẹ trước tiên là chính sự quy thuận trong tự do, một sự vâng phục tự do. Thiên Chúa đã đề nghị mẹ thuận theo kế hoạch canh tân mọi sự qua việc nhập thể của Ngôi Lời, Con của Người. Và Đức Maria đã dâng sự tự do của mình cho Thiên Chúa một cách tự do: “Này tôi là nữ tì của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói” (Lc 1,38). Vâng phục là sự tự do được dâng hiến, và khi tự do được tiến dâng lên Thiên Chúa, Người sẽ dùng nó để hoàn thành công trình, kế hoạch canh tân thế giới của Người. Không phải quyền lực, cũng không phải sức mạnh nhưng là sự vâng lời như của lễ dâng tiến Chúa tự do của chúng ta, một sự tự do biến đời sống thành khí cụ của phép lạ, và công trình Chúa thực hiện vốn luôn là một phép lạ, ngay khi Người tạo nên chỉ một lá cỏ.

Đức Maria muốn dạy cho chúng ta biết sự tự do và sinh chúng ta trong tự do, những đấng con của Nữ Tỳ Thiên Chúa, trong sự tự do này; và cũng trong sự tự do này mà Giáo Hội muốn sinh ra chúng ta. Mọi đặc sủng trong Giáo Hội, đặc sủng Biển Đức hay đặc sủng Xi-tô, đều là những cách thể hiện mẫu tính của Giáo Hội, nhờ đó mà Chúa thánh Thần giáo dục chúng ta quy thuận kế hoạch của Thiên Chúa. Mỗi đặc sủng là một hình thức vâng phục Chúa Thánh Thần bởi vì Đức Ki-tô nhập thể ở đây và bây giờ nơi thế gian để cứu độ thế gian.

Khát khao vâng phục thánh ý Chúa là linh hồn sống động của đời sống Ki-tô giáo và đặc biệt là của đời sống thánh hiến. Tất cả những gì còn lại đều chỉ là phù vân, những kế hoạch của chúng ta rồi sẽ ra hư nát một cách vô ích.

Chúng ta thường nghĩ rằng có một đức tin lớn lao có nghĩa là có một đức tin khả dĩ đạt được mọi sự từ nơi Thiên Chúa. Thật vậy, chúng ta sùng kính các thánh, những vị nhờ đức tin của mình đón nhận vô vàn ân sủng và phép lạ. Điều này quả là đúng và là một khía cạnh quan trọng thuộc về sự vĩ đại của đức tin. Nhưng tôi cho rằng còn có một khía cạnh sâu xa hơn thuộc về sự vĩ đại của đức tin mà chúng ta ít khi nghĩ đến: đức tin vĩ đại nhất không phải khi chúng đạt được tất cả từ nơi Chúa, mà là Chúa đạt được tất cả từ nơi chúng ta. Đó là đức tin của Abraham, đức tin vô cùng vĩ đại của Đức Maria. Abraham và Đức Maria không xin Thiên Chúa nhiều điều. Ngược lại, đức tin lớn lao của các ngài là để cho Thiên Chúa yêu cầu nơi các ngài tất cả mọi sự, tin thác rằng những gì Thiên Chúa yêu cầu là điều tốt đẹp nhất cho mình và cho tất cả, như khi Thiên Chúa yêu cầu Abraham hiến tế con trai mình là Isaac, hoặc như Đức Maria đã âm thầm đón nhận cái chết của con mình trên thập giá. Tại Cana, Đức Maria đã không xin gì, chỉ ghi nhận: “họ hết rượu rồi”. Rõ nét hơn là mẹ đã yêu cầu những gia nhân thực hiện cùng một thái độ mà mẹ đã từng sống: “Người nói sao, anh em cứ làm như vậy” (Gv 2,3-5). Mẹ dạy cho chúng ta đức tin của mẹ cũng như cách thức sống đức tin, nói tóm là cách thức đạt được tất cả từ Thiên Chúa và để cho Thiên Chúa đạt được tất cả từ nơi chúng ta.

Tôi nghĩ rằng đây chính là bản chất cốt yếu của vâng phục đan tu, không phải làm gì hơn là đi đến tận đáy sâu vâng phục của đức tin. Vâng phục của đức tin là tín thác rằng tất cả những gì Thiên Chúa yêu cầu chúng ta đều nhằm đem lại lợi ích cho chúng ta và cho tất cả. Nước biến thành rượu tại tiệc cưới Cana là biểu tượng cho biết rằng niềm tin phụng sự Thiên Chúa sẽ dẫn tới niềm vui cho mọi người, là để cho Đức Ki-tô cứu chuộc và hoàn tất lễ dâng sự sống và tình yêu của Người.

Đối với chúng ta, những tu sĩ, nam nữ đan sĩ, đây chính là điều cốt yếu, là trung tâm của ơn gọi chúng ta, ơn gọi của bí tích rửa tội vốn phải được quan tâm hàng đầu và sống cách triệt để, hoặc ít là phải được xem như một ý hướng, một niềm khao khát hay một đòi hỏi. Tu luật thánh Biển đức dạy cho chúng ta sống tính triệt để của Đức Maria trong đức tin vâng phục hầu cho Đức Ki-tô cứu độ chính ngày lễ hội của cộng đoàn nhân loại.

Gặp gỡ và nhiệm vụ

Nhưng chúng ta có thể huấn luyện mình thế nào để đạt tới sự sung mãn của sự sống và sống sự sung mãn ấy với tất cả sự sẵn lòng?

Từ mấy tháng nay, tôi bị chất vấn cách sâu xa và được nâng đỡ bởi chính tường thuật mà thánh Phaolô đã kể cho những người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem về cuộc gặp gỡ đầu tiên của ngài với Đức Ki-tô, bởi vì ngài nhớ lại hai câu hỏi ngài đặt ra cho Đức Giê-su: “Đang khi tôi đi đường và đến gần Đa-mát, thì vào khoảng trưa, bỗng nhiên có một luồng ánh sáng chói lọi từ trời chiếu xuống bao phủ lấy tôi. Tôi ngã xuống đất và nghe có tiếng nói với tôi: ‘Sa-un, Sa-un, tại sao ngươi bắt bớ Ta?’ Tôi đáp: ‘Thưa Ngài, Ngài là ai?’. Người nói với tôi: ‘Ta là Giê-su Na-da-rét mà ngươi đang bắt bớ’. Những người đi cùng với tôi trông thấy có ánh sáng, nhưng không nghe thấy tiếng Đấng đang nói với tôi. Tôi nói: ‘Lạy Chúa, con phải làm gì?’ Chúa bảo tôi: ‘Hãy đứng dậy, đi vào thành Đa-mát, ở đó người ta sẽ nói cho anh biết tất cả những gì Thiên Chúa đã chỉ định cho anh phải làm’ (Cv 22,6-10).

«Thưa Ngài, Ngài là ai?»

«Lạy Chúa, con phải làm gì?»

Đây là hai câu hỏi căn bản cho cuộc sống, là những câu hỏi mở ra cuộc gặp gỡ với Đức Ki-tô và đòi hỏi cuộc gặp gỡ đó phải được ghi dấu và thể hiện trong đời sống của chúng ta.

Saolô thành Tarso đã tóm tắt tất cả luân lý của Ki-tô giáo trong hai câu hỏi này, câu hỏi về việc “phải làm” không tách rời khỏi câu hỏi xin được biết Đức Giê-su Ki-tô, xin Đức Ki-tô mạc khải mình cho chúng ta. Mong muốn được biết căn tính một ai đó là mong ước ở lại trong tương quan với người đó. Chỉ khi nào bắt đầu ước mong có được tương quan này, một ước mong tha thiết tìm kiếm Chúa thì câu hỏi «con phải làm gì?» mới hàm chứa hết ý nghĩa của nó. Cho nên, nó trở thành cách diễn tả sự sẵn lòng đi vào cuộc gặp gỡ với Đức Ki-tô, một cuộc gặp gỡ thay đổi đời sống chúng ta, và sẵn lòng để đức tin huấn luyện và biến đổi cuộc sống chúng ta. Saolô đã hiểu ngay, và cũng như Đức Maria, ngài đã được giáo dục trong tôn giáo tính của người Do Thái rằng mỗi cuộc gặp gỡ với một Mẫu Nhiệm phải được hoàn tất trong sự vâng phục, trong sự ưng thuận để Mẫu Nhiệm thấm thấu vào trong xương thịt của hiện hữu.

«Hãy đi vào thành Đa-mát!»

«Lạy Chúa, con phải làm gì?». Đức Giê-su đã trả lời như thế nào cho người đã rất nghiêm túc với cuộc gặp gỡ đó, nên đã dò hỏi hướng đi cho cuộc hành trình mới, cuộc hành trình bắt đầu từ cuộc gặp gỡ này? Câu trả lời của Đức Giê-su cho Saolô có phần lạ lùng: «Hãy đứng dậy, đi vào thành Đa-mát, ở đó người ta sẽ nói cho anh biết tất cả những gì Thiên Chúa đã chỉ định cho anh phải làm» (Cv 22,10).

Đức Ki-tô bỗng hiện ra với Saolô trong luồng sáng chói lọi theo một cách thức mãnh liệt của thần linh, tựa như một cuộc thần hiện vào thời Cựu Ước, Đấng đã nói chuyện cá nhân với ông, mạc khải cho ông theo một cách thức lạ thường, có thể nói là độc đáo nữa, nhưng lại không thể tự mình giải thích cho Saolô phải làm gì hay sao? Người không thể mạc khải cho Saolô về con đường của ông qua một cách thức thần bí sao? Sau này, Người sẽ làm như thế, nhưng bây giờ Saolô phải đến Đa-mát, đến với cộng đoàn Ki-tô hữu ở Đa-mát, ở với Kha-na-ni-a khó nghèo, đơn sơ và “sùng đạo”, người sẽ

giúp ông hiểu con đường ơn gọi của ông, điều Chúa muốn nơi ông. Đáng chú ý là cộng đoàn Đa-mát là nơi mà cách đây khoảng ba phút, Saolo đã từng thù ghét đến tận tâm can, và từng muốn tiêu diệt. Nhưng Saolo lại cần đến nơi ấy để dạy cho ông biết Đức Giê-su, Đấng ông từng không yêu mến, từng bách hại, và đã không xem như là đường, sự thật và là sự sống của cuộc đời ông. Điều mà ông muốn phá đổ, đã trở nên con đường cho ông bước đi, thành quy tắc để vâng phục, và cùng đồng hành với ông để hoàn thành chương trình của Thiên Chúa muốn trên ông.

Đối với tôi, đây là một trong những khía cạnh lạ thường nhất của sự kiện Ki-tô giáo: Đức Ki-tô chọn điều mà chúng ta muốn loại bỏ, điều gây phiền nhiễu cho chúng ta, điều chúng ta muốn chống đối nhất, chẳng hạn như nơi gặp gỡ Người lại trở nên con đường rõ ràng và chắc chắn cho cuộc đời chúng ta.

Tại sao các cộng đoàn của chúng ta lại đầy dẫy những thiếu sót và không đạt tới tầm vóc của ơn gọi của mình? Tại sao bề trên, những anh em, chị em mà chúng ta phải chung sống dường như ngày càng không còn bảo đảm cho hạnh phúc của chúng ta, và chúng ta luôn có vấn đề với họ khi sống chung với nhau?

Thực sự, tất cả những điều này cũng giống như cộng đoàn Đa-mát mà Saolo thành Tarso phải đến. Tất cả những nơi ấy lại là nơi Đức Giê-su mời chúng ta đến để gặp Người, Đấng đã từng bị bách hại, bị đóng đinh, bị ghét bỏ bởi chính chúng ta.

Anh chị em hãy tưởng tượng xem, sau kinh nghiệm này, Saolo đã nhìn cộng đoàn Đa-mát với sự khiêm nhường nào, với sự kính trọng nào, với sự ăn năn nào. Ông đã ngạc nhiên thế nào khi tìm thấy sự thân tình nơi cộng đoàn Ki-tô hữu bé nhỏ, đáng thương mà vài ngày trước ông từng muốn tiêu diệt vì sự tự mãn, kiêu căng kiểu pha-ri-siêu của mình.

Cuộc gặp gỡ với Đức Giê-su phải đưa chúng ta đến việc nhìn giáo hội, nhìn cuộc sống và ơn gọi mà Chúa gửi đến cho chúng ta với tâm tình ấy, với sự kính trọng ấy. Chỉ như thế, cuộc gặp gỡ mới trở nên xác thịt của xác thịt chúng ta, và chúng ta, cũng như Phaolo, sẽ trở nên những tông đồ, những chứng nhân của ánh sáng, của vẻ đẹp nhân-thần có thể biến đổi thế giới.

Nếu chúng ta nhận thức được điều này, chúng ta sẽ bắt đầu yêu mến cách dịu dàng tất cả những giới hạn của hoàn cảnh mà chúng ta được gửi tới, cộng đoàn của chúng ta, mỗi người anh chị em của chúng ta, nơi sống và những môi trường chúng ta hiện diện và nơi thi hành sứ vụ; và chúng ta sẽ khám phá kho tàng tình bạn của Đức Ki-tô, sự rộng mở của cuộc gặp gỡ với Người; nếu ban đầu ánh sáng có chói chang, nhưng nhờ đồng hành với Người, Người sẽ trao cho chúng ta khước nhìn mới, một khước nhìn khám phá ra rằng sự hiện diện của Đức Giê-su được mạc khải như một luồng ánh sáng êm dịu để giúp chúng ta nhìn tất cả và mọi người với sự dịu dàng của Người.

Thân tình với Chúa Giê-su

Chúng ta đã thấy Chúa Giê-su trao Saolo cho người “sùng đạo” Kha-na-ni-a. Nhân vật này xuất hiện rất ít trong Tân Ước, không phải là một người rất thông minh, hay rất can đảm. Thật vậy, ông kể cho Chúa Giê-su nghe về quá khứ của Saolo như thể Chúa cần đến ông để biết về Saolo, và ông còn sợ rằng nếu Saolo không thực sự hoán cải thì sẽ đến bắt ông (x. Cv 9,10-19). Kha-na-ni-a không phải là con đại bàng, cũng không phải là sư tử. Nhưng nơi ông có một phẩm chất nền tảng giúp ông vượt thắng mọi

khuyết điểm và mọi yếu đuối: ông sống mối tương quan thân tình với Chúa Giê-su. Hai người nói chuyện với nhau như hai người bạn già. Kha-na-ni-a không ngạc nhiên khi Đức Giê-su hiện ra, nói chuyện với ông. Ông trả lời: «Dạ, lạy Chúa, con đây!» (Cv 9,10), như nói «alô!» lúc nghe điện thoại. Đối với ông, Chúa Giê-su là một sự hiện diện thân tình, thường xuyên, sống động trong từng ngày sống, trong cuộc đời ông.

Là một người khiêm tốn, không trở nên một trong các tông đồ, các nhà truyền giáo hay các vị tử đạo vĩ đại, nhưng Chúa Giê-su đã trao cho ông nhiệm vụ hoán cải Phaolo, một trong số những tông đồ vĩ đại, thông thái, trứ danh và dũng cảm nhất của giáo hội. Để thăng tiến sự hoán cải của chúng ta, để cho cuộc gặp gỡ Đức Ki-tô trở nên con đường sự sống cho chúng ta, Chúa cho những người giúp chúng ta nhận ra sự hiện diện thân tình của chính Người. Như thế, một em bé hay một cụ già đều có thể là những người hết sức «quan trọng».

Điều này giúp chúng ta hiểu rằng sống thân tình với Đức Ki-tô là cội rễ và bản chất của mọi sự phong phú trong đời sống chúng ta. Thánh Phaolo sẽ trở nên vĩ đại, rao giảng Đức Ki-tô đến tận cùng cõi đất, sẽ đến những miền “ngoại biên” địa lý, con người, tôn giáo, văn hóa và tâm linh, nhưng ngài sẽ không quên bài giáo lý căn bản của vị thầy đầu tiên, hay đúng hơn là người cha, đã rửa tội cho ngài trong cộng đoàn Đa-mát. Ngài sẽ sống tất cả sứ vụ vĩ đại của mình, vun trồng tình thân thiết với Đức Ki-tô vì trước hết, chính Đức Ki-tô sẽ vun trồng mọi sự với ngài. Cũng như Kha-na-ni-a, ngài không còn kinh ngạc khi Đấng Mầu Nhiệm hiện ra và nói chuyện với ngài cách rất đơn sơ, như một người bạn, một người cha: «Đừng sợ! Cứ nói đi, đừng làm thinh, vì Thầy ở với anh» (Cv 18,9-10).

Trong sự thân tình với Đức Ki-tô mà chúng ta khám phá ra sức mạnh của chính sự dịu dàng của Người đối với chúng ta và mọi người. Và nhờ đó, chúng ta được kêu mời can đảm và tin thác tiến bước trên hành trình của chúng ta. Đôi khi, chúng ta phải đương đầu với những mông dòn và khó khăn nơi các cộng đoàn của chúng ta, lắm khi còn có những vấn đề nghiêm trọng, nhưng chúng ta hãy tập kính sợ, vâng phục để chu toàn ơn gọi của chúng ta. Chúng ta cần tìm lại sự thân tình gặp gỡ Chúa Giê-su, và luôn hằng say trở về với nguồn suối này. Cũng như các mục đồng trong đêm Giáng sinh bảo nhau: “nào chúng ta sang Bê-lem, để xem sự việc đã xảy ra, như Chúa đã tỏ cho ta” (Lc 2,15).

Trong đêm Giáng sinh, Thiên Chúa kết thân với con người, với mỗi người bất kể hoàn cảnh hay điều kiện của họ. Ước gì mùa Giáng sinh năm nay giúp chúng ta tìm lại sự thân tình với Chúa Giê-su trong đời sống hàng ngày của chúng ta để chúng ta trao tặng cho nhau kinh nghiệm này trong niềm vui, và sống một sự tự do tin thác, vâng phục trong an hòa.

Kính chúc mọi người mùa Giáng sinh an lành và năm mới an hảo!



Fr. Mauro-Giuseppe Lepori
Tổng Viện Phụ Dòng Xi-tô